

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TIỀN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TIỀN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN PHAT TECHNOLOGY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CONGNGHE TIENPHAT JSC.

2. Mã số doanh nghiệp: 0110823782

3. Ngày thành lập: 26/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

178 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0589988866

Fax:

Email: tienphatjsc.168@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
3.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: - Sản xuất các loại máy móc thiết bị kỹ thuật điện, cơ khí dùng trong công nghiệp và dân dụng; - Chế tạo động cơ điện, máy phát điện các loại; - Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính.	2710
4.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; - Không sản xuất, gia công tại trụ sở chính.	2599
5.	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2610
6.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2732
7.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2733
8.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2814

9.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	3290
10.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Trừ thiết bị thu phát sóng.	2630
11.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở.	2640
12.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2811
13.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu Chi tiết: Không sản xuất tại trụ sở chính.	2812
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Không bao gồm thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện.	4652
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	4229
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
20.	Lập trình máy vi tính	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết: Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật.	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Trừ hàng nhà nước cấm	4690
24.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở chính	3311
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng máy phát điện, dụng cụ cơ khí, thiết bị văn phòng, thiết bị ngân hàng; Không hoạt động tại trụ sở chính	3312
26.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở.	3313
27.	Sửa chữa thiết bị điện Chi tiết: Sửa chữa các loại thiết bị kỹ thuật điện; sửa chữa động cơ điện, máy phát điện các loại; Không hoạt động tại trụ sở chính.	3314
28.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở chính.	3319

29.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở.	3320
30.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật.	7020
31.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
32.	Xây dựng nhà ở	4101
33.	Cổng thông tin Chi tiết: Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và hoạt động báo chí.	6312
34.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn Chi tiết: Trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ.	8020
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế động cơ điện, máy phát điện các loại; - Trừ tiết kế công trình, thiết kế phương tiện vận tải.	7410
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán máy phát điện, dụng cụ cơ khí, thiết bị văn phòng, thiết bị ngân hàng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện: máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
38.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở.	4321
41.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Chỉ được hoạt động sau khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	3512
42.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông.	6311

43.	In ấn Chi tiết: - Trừ các loại Nhà nước cấm, Điều 11 Nghị định 60/2014/ NĐ-CP, Điều 1,3 Nghị định 25/2018/NĐ-CP, Điều 7 Nghị định 96/2016/NĐ-CP - Trừ in ấn, tráng bao bì kim loại và in trên các sản phẩm vải, sợi, dệt, may, đan; - Không hoạt động tại trụ sở.	1811
44.	Dịch vụ liên quan đến in Chi tiết: - Không hoạt động tại trụ sở; - Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật; - Không rập khuôn, in ấn tem.	1812
45.	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: - Trừ các sản phẩm văn hóa phẩm đồi trụy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục, thẩm mỹ; - Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.	1820
46.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2512
47.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Trừ tái chế phế thải, luyện cán cao su tại trụ sở.	2220
48.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2511
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2790
51.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung Chi tiết: Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường.	2815
52.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2816
53.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính) Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2817
54.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2818

55.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất và phân phối máy cấp khí tươi, máy lọc không khí...; - Sản xuất hệ thống hút bụi, hút mùi công nghiệp; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Không hoạt động tại trụ sở.	2819(Chính)
56.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2821
57.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2822
58.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2825
59.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2826
60.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2829
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	1629
62.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2029
63.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2910
64.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2920
65.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	2930
66.	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	3091
67.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	3092
68.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	3099
69.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	3230
70.	Tái chế phế liệu Chi tiết: Chỉ hoạt động khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường	3830
71.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, chế biến gỗ, luyện cán cao su tại trụ sở.	3100

72.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Trừ dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy bay, động cơ máy bay và không hoạt động tại trụ sở.	3315
73.	Xây dựng nhà không để ở	4102
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Phá dỡ Loại trừ: Hoạt động nổ mìn	4311
76.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Hoạt động nổ mìn	4312
77.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
78.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.	4511
79.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
80.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá.	4513
81.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
82.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác	4530
83.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Trừ than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng, nhớt cặn.	4661
84.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Trừ hoạt động kinh doanh vàng và buôn bán phế liệu tại trụ sở.	4662
85.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Theo điều 62, điều 74, điều 75, điều 69 Luật kinh doanh bất động sản 2014 - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư. - Trừ dịch vụ tư vấn pháp luật.	6820
86.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
87.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
88.	Cho thuê xe có động cơ	7710
89.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
90.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
91.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Trừ máy bay và khinh khí cầu.	7730
92.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

93.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Loại trừ hoạt động của trung tâm giới thiệu việc làm theo Điều 4 NĐ 196/2013/NĐ-CP.	7810
94.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Trừ cho thuê lại lao động, chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	7820
95.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Trừ cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài và cho thuê lại lao động).	7830
96.	Đại lý du lịch Chi tiết: Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.	7911
97.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Chỉ hoạt động lữ hành quốc tế sau khi có giấy phép của Tổng cục du lịch.	7912
98.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Trừ dịch vụ liên quan đến phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường.	7990
99.	Vệ sinh chung nhà cửa Chi tiết: Trừ dịch vụ xông hơi, khử trùng.	8121
100.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, vệ sinh công nghiệp.	8129
101.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
102.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Không sản xuất tại trụ sở; - Chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định.	2813
103.	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.	8292
104.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Không hoạt động tại trụ sở.	1702
105.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Không bao gồm hoạt động bán buôn đá quý.	4669
106.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
107.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; - Trừ cho thuê xe không kèm người lái, vận chuyển của xe cứu thương.	4932

108.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh, không bao gồm hoạt động đấu giá; - Trừ dịch vụ báo cáo toà án, hoạt động đấu giá, dịch vụ lấy lại tài sản.	8299
109.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Chỉ được kinh doanh khi đáp ứng điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô và được cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) Điều 9, Điều 14, Điều 17 NĐ 10/2020/NĐ-CP, được hướng dẫn bởi chương V thông tư 12/2020/TT-BGTVT	4933
110.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không	5224
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Trừ hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ liên quan đến hóa lỏng khí để vận chuyển và bãi đỗ ô tô	5225
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa; - Đại lý vận tải hàng hóa; - Dịch vụ đại lý tàu biển; - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO HỒNG VIỆT	P512- Nơ 1B BDLD, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0380830000 24	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000		
2	ĐÀO VĂN PHÚC	Thôn Thường Lệ, Xã Đại Thịnh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0010840128 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

3	NGUYỄN TUẤN ANH	42 Đê La Thành, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	30,000	0010840218 81
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	30,000	
4	TRẦN QUANG SƠN	Tổ 11 Cụm 2, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	0360910097 90
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084021881

Ngày cấp: 08/12/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *42 Đê La Thành , Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *178 Nguyễn Lương Bằng , Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội